



Bài báo nghiên cứu

HỢP TÁC GIÁO DỤC VIỆT NAM – HOA KÌ (2013-2023)

Nguyễn Thị Hương*, Võ Quốc Hưng

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hương – Email: huongngt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 06-4-2026; Ngày nhận bài sửa: 10-5-2026; Ngày duyệt đăng: 21-7-2026

TÓM TẮT

Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ trong khuôn khổ Đối tác Toàn diện (2013-2023) và phát triển lên tầm cao mới Đối tác chiến lược Toàn diện (2023) đã có những bước phát triển mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của hai nước. Trong đó trên lĩnh vực hợp tác giáo dục mang nhiều tính đột phá mới và đi vào chiều sâu. Mục đích của bài báo này là phân tích nhân tố tác động, làm rõ kết quả của sự hợp tác về giáo dục giữa Việt Nam – Hoa Kỳ trong thời gian 10 năm (2013-2023). Thông qua việc sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic kết hợp phân tích các nguồn tài liệu, kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề sau: (1) Nhân tố tác động đến hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ bao gồm: Nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan; (2) Nội dung hợp tác giữa Việt Nam – Hoa Kỳ gồm: hợp tác trên lĩnh vực giáo dục đại học và đào tạo cán bộ quản lý; (3) Những khó khăn và đặc điểm của quá trình hợp tác giáo dục. Kết quả nghiên cứu của bài báo góp phần làm rõ những thành tựu đạt được trong lĩnh vực giáo dục đào tạo giữa Việt Nam – Hoa Kỳ (2013-2023), cũng như mở ra triển vọng trong hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực trên.

Từ khóa: Đối tác Toàn diện; Đối tác chiến lược Toàn diện; hợp tác giáo dục; Hoa Kỳ; Việt Nam

1. Mở đầu

Kể từ khi bình thường hóa quan hệ vào năm 1995, quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ đã không ngừng được cải thiện với nhiều dấu ấn quan trọng, trong đó nổi bật là sự kiện cả hai nước thiết lập quan hệ Đối tác Toàn diện vào tháng 7/2013 và nâng cấp lên thành quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện vào tháng 9/2023. Trong khoảng thời gian 10 năm đó, Việt Nam và Hoa Kỳ đã không ngừng thực hiện hợp tác trên nhiều lĩnh vực trong khuôn khổ trên nhằm mang lại lợi ích cho cả hai nước. Trong đó, lĩnh vực giáo dục và đào tạo được lãnh đạo hai nước xác định là then chốt hợp tác ngay từ năm 2013 và trên thực tế đã để lại nhiều dấu ấn thành công trong mối quan hệ giữa hai nước trong lĩnh vực này. Nội dung bài viết trình bày những nhân tố tác động đến hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ từ Đối tác Toàn diện đến Đối tác chiến lược Toàn diện (2013-2023) và những hoạt động hợp tác chính của hai nước trong lĩnh vực trên, cùng với việc nhìn nhận những khó khăn tác động đến hợp tác của lĩnh vực giáo dục đào tạo để từ đó rút ra những đặc điểm chính trong mối quan hệ giữa Việt Nam – Hoa Kỳ về giáo dục giai đoạn 2013-2023.

2. Nội dung nghiên cứu

Cite this article as: Nguyen, T. H., & Vo, Q. H. (2026). Vietnam – US educational cooperation (2013-2023). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(8), 1942-1951. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.8.5697\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.8.5697(2026))

2.1. Nhân tố tác động

Tình hình thế giới giai đoạn 2013-2023 không ngừng biến đổi. Các nước trong khu vực và vùng lãnh thổ đẩy mạnh hoạt động hợp tác đa phương và song phương. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều coi trọng giáo dục, xem đây là tiền đề phát triển đất nước, nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ đầu thế kỉ XXI chịu tác động bởi nhân tố khách quan và chủ quan, cũng như xuất phát từ nhu cầu hợp tác của hai nước trên lĩnh vực giáo dục.

2.1.1. Nhân tố khách quan

Những năm đầu thế kỉ XXI (2001-2020), khu vực châu Á – Thái Bình Dương có bước phát triển vượt bậc trên các lĩnh vực, vì thế trong chính sách đối ngoại các quốc gia ở khu vực này ưu tiên kết nối với các nước lớn, điều này tạo ra cạnh tranh mạnh mẽ với các nước trên thế giới. Hoa Kỳ và Trung Quốc là hai nước lớn có tác động lớn đến tình hình kinh tế, chính trị của thế giới. Khi sáng kiến chiến lược “Vành đai và Con đường” ra đời năm 2013 của Trung Quốc đã thể hiện công khai cạnh tranh ảnh hưởng với Hoa Kỳ trong khu vực và trên thế giới. Vì thế, “Hoa Kỳ cùng các nước đồng minh ngày càng bất an trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và việc này công khai thách thức trật tự khu vực, nhất là vị thế siêu cường dẫn đầu của Hoa Kỳ” (Hoang, 2021, p.23). Do đó, để đảm bảo an ninh về sở hữu trí tuệ, Hoa Kỳ đã bắt đầu áp dụng chính sách hạn chế trao đổi giáo dục thông qua biện pháp hủy visa của hàng ngàn sinh viên Sau đại học và nhà nghiên cứu Trung Quốc đang học tập, nghiên cứu tại Hoa Kỳ từ năm 2020 với lí do có liên hệ với quân đội Trung Quốc.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc là điều đáng lo ngại đối với Hoa Kỳ vừa là nhân tố tác động tích cực, vừa có những tác động tiêu cực đến quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ. Chính vì thế, khu vực Đông Nam Á đóng vai trò quan trọng trong chiến lược của Mỹ “bởi vì đây là cửa ra mang tính yết hầu đối với Trung Quốc trong tham vọng bá chủ khu vực, và yết hầu về lưu thông hàng hóa của Trung Quốc với thế giới” (Cu, 2022, p.83).

Dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 “nhất là công nghệ thông tin đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đem lại nhiều thành tựu mới” (Hoang, 2021, p.12), tri thức và khoa học – công nghệ được tạo ra với cấp số nhân và đặt chất lượng nhân lực trở thành yếu tố quyết định cơ hội phát triển và năng lực cạnh tranh của các nước. Quốc gia nào sở hữu đội ngũ tri thức mạnh, được đào tạo ở những nền giáo dục tiên tiến là tiền đề đưa đất nước đi lên, đóng vai trò lãnh đạo khu vực và thế giới. Các quốc gia và vùng lãnh thổ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ đều tham gia mạnh mẽ vào quá trình này nhằm duy trì và củng cố lợi thế của mình.

Trước xu thế cạnh tranh công nghệ giữa các nước lớn hiện nay, các quốc gia đang phát triển, nếu tận dụng tốt ngoại giao giáo dục sẽ có cơ hội tiếp cận với các công nghệ tiên tiến làm đòn bẩy để thúc đẩy sự phát triển của quốc gia. Việt Nam không nằm ngoài xu thế trên, vì thế trong 20 năm đầu của thế kỉ XXI (2001-2020), với chiến lược giáo dục là quốc sách hàng đầu, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác giáo dục với các quốc gia trên thế giới mà tiêu biểu là Hoa Kỳ.

2.1.2. Nhân tố chủ quan

Tình hình thế giới và khu vực tác động không nhỏ đến hoạt động đối ngoại của cả Việt Nam và Hoa Kỳ. Xuất phát từ nhu cầu hợp tác trong giáo dục đào tạo của hai nước mà những năm 2013-2023, hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ trên lĩnh vực giáo dục được đẩy nhanh hơn cả.

Đối với Việt Nam, việc mở rộng quan hệ với tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó Hoa Kỳ là một trong những ưu tiên của chính sách đối ngoại Việt Nam kể từ khi nâng cấp độ ngoại giao Đối tác Toàn diện năm 2013. “Phát triển quan hệ với Hoa Kỳ sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập vào cộng đồng quốc tế rộng rãi hơn. Việc tạo lập quan hệ với Hoa Kỳ, giúp Việt Nam duy trì ổn định, hòa bình và thịnh vượng không chỉ cho Việt Nam mà còn cho cả khu vực Đông Nam Á” (Hoàng, 2021,

p.52). Trong chính sách cân bằng giữa các nước lớn của Việt Nam, Hoa Kỳ là một trong những nhân tố quan trọng, bởi “sự tham gia của Hoa Kỳ dù là gián tiếp cũng có thể buộc Trung Quốc giảm áp lực trong vấn đề nhân quyền đối với Việt Nam và tạo cơ hội thúc đẩy quan hệ song phương bước lên tầm cao mới” (Hoang, 2021, p.53)

Trên cơ sở đó, Nhằm nâng cao nhân lực có chất lượng tốt, “Chính phủ đã ban hành Nghị định 140/2017/NĐ-CP về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Với Nghị định không chỉ dành cho người học đi học theo ngân sách nhà nước mà còn khuyến khích những cá nhân, du học sinh đi du học tự túc trở về phụng sự Tổ quốc” (Government of the Socialist Republic of Viet Nam, 2017). Và “Thông tư số 38/2020/TT BGDĐT ngày 06/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến là chính sách đúng đắn theo tinh thần tự chủ đại học...” (Ministry of Education and Training, 2020).

Đầu thế kỉ XXI, trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, chúng ta ưu tiên hoạt động thúc đẩy quan hệ song phương với Hoa Kỳ không chỉ nhằm mục tiêu bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ mà còn nhằm thúc đẩy giáo dục, khoa học công nghệ, xây dựng Việt Nam đủ sức mạnh nội lực từ bên trong và nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Lần đầu tiên trong lịch sử quan hệ hai nước, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức thăm Mỹ (2015), “thành công của chuyến thăm cho thế giới thấy, trong bối cảnh quốc tế hiện nay, hai quốc gia có hai chế độ chính trị khác nhau vẫn có thể vượt qua khác biệt, hiểu biết và chấp nhận nhau, hợp tác vì lợi ích chung” (Nguyen, 2021, p.211).

Đối với Hoa Kỳ: Nhận thấy Việt Nam là quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, mong muốn Việt Nam đóng vai trò quốc tế lớn hơn và hợp tác với Hoa Kỳ nhiều hơn trong các vấn đề quốc tế cũng như khu vực, quan điểm này đã thúc đẩy quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ gần gũi hơn. “Việt Nam còn được đánh giá là trái tim của khu vực Ấn – Thái” (Hoàng, 2021, p.58). Chính những đòi hỏi và thái độ của Trung Quốc ở Biển Đông đang dẫn đến sự hội tụ lợi ích chiến lược giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, đưa tới việc hai nước tăng cường quan hệ ngoại giao và hợp tác.

Sau khi nâng cấp quan hệ lên Đối tác Toàn diện (2013), giáo dục là một trong chín lĩnh vực then chốt được đề cập đến, Tổng thống Barack Obama nhất trí về “Sự cần thiết tăng cường hợp tác giáo dục, văn hóa và giao lưu nhân dân giữa Hoa Kỳ và Việt Nam... Hai nhà Lãnh đạo nhất trí rằng hợp tác chặt chẽ về giáo dục và đào tạo là nhân tố quan trọng cho giai đoạn tiếp theo của mối quan hệ. Hai nhà lãnh đạo ghi nhận thành công của Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright và Chủ tịch nước Trương Tấn Sang hoan nghênh sáng kiến thành lập Trường Đại học Fulbright ở Việt Nam” (Tong, 2021, p.113).

Xuất phát từ thúc đẩy lợi ích quốc gia trên nguyên tắc “cùng có lợi” với Việt Nam, hai nước Việt Nam – Hoa Kỳ đã có các Bản Tuyên bố chung của hai nước trong những chuyến thăm cấp cao ở các năm 2013, 2015, 2016 và 2017 (Tuyên bố chung tháng 5/2017 và tháng 11/2017). Những tuyên bố này nhằm “củng cố và mở rộng quan hệ đối tác toàn diện giữa hai nước trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau, các lợi ích và mong muốn chung thúc đẩy hòa bình, hợp tác, thịnh vượng...” (Le, 2020, p.183).

Trên cơ sở khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược Toàn diện mới được thiết lập giữa Việt Nam – Hoa Kỳ (2023), Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh việc đẩy mạnh hợp tác giáo dục vừa phù hợp với ưu tiên của Việt Nam, vừa phù hợp xu thế thời đại, vừa phù hợp với định hướng hợp tác của Hoa Kỳ với Việt Nam.

Như vậy, cả Việt Nam và Hoa Kỳ đều mong muốn đẩy mạnh đối ngoại trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, điều này mở ra cơ hội cho công dân Việt Nam sang Hoa Kỳ học tập, trao đổi, tiếp thu những tiến bộ của khoa học kỹ thuật trở về phục vụ đất nước. Đối với Hoa Kỳ, đầu tư giáo dục tại nước ta góp phần phát triển các dự án giáo dục của nước này tới môi trường mới như Việt Nam.

2.2. Hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ trên lĩnh vực giáo dục đại học

Năm 2000, Quỹ Giáo dục Việt Nam (Vietnam Education Foundation – VEF) được thành lập theo Đạo luật của Quốc hội Hoa Kỳ và đến cuối năm 2002, Quốc hội Hoa Kỳ thông qua đạo luật “Quỹ Giáo dục dành cho Việt Nam” (VEF), kéo dài đến năm 2016, “mỗi năm có khoảng 5 triệu USD dành cho việc cấp học bổng và tuyển chọn, đào tạo tại Hoa Kỳ khoảng 100 người ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và sau tiến sĩ thuộc 5 chuyên ngành: Khoa học tự nhiên, Toán học, Y học, Môi trường và Công nghệ” (Tong, 2021, p.112).

Theo Tuyên bố Tầm nhìn chung giữa Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng thống Barack Obama ngày 07/7/2015, chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright (FETP) sẽ chuyển đổi thành một tổ chức hoàn chỉnh có tên là Trường Đại học Fulbright Việt Nam (FUV) với số vốn đầu tư ban đầu là 20 triệu USD. “Việc thành lập Đại học Fulbright Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 5/2016 là bước tiến đáng kể về hợp tác giáo dục” (Le, 2020, p.218). Đại học Fulbright Việt Nam hoạt động trên cơ sở một trường đại học tư thực, độc lập với 100% vốn nước ngoài, hoạt động không vì lợi nhuận. Năm 2017, hai nước cũng phối hợp đưa Đại học Fulbright vào hoạt động, tạo điều kiện cho thanh niên Việt Nam tiếp cận với giáo dục tiêu chuẩn cao, tiếp thu kiến thức hiện đại, góp phần xây dựng đất nước. Những kết quả đạt được là bằng chứng rõ ràng cho thấy giáo dục vẫn là nền tảng của mối quan hệ song phương giữa hai nước.

Hợp tác giữa các trường đại học của Việt Nam và Hoa Kỳ là một trong những vấn đề quan tâm giữa hai nước. Nhiều trường Đại học ở Hoa Kỳ sang Việt Nam thăm và tìm hiểu, mở các chương trình hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi cán bộ giảng dạy như trường Đại học Harvard, Berkeley, Columbia, Ohio, Indiana, Washington, Fullerton..., đặc biệt là sự hợp tác giữa Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học California (Los Angeles). “Đầu tư tiếng Anh của Chính phủ Hoa Kỳ – Phân bổ 5 triệu đô la Mỹ hàng năm cho các chương trình trao đổi Sau đại học. Nâng cao kỹ năng tiếng Anh thông qua các chương trình Học bổng và Fulbright. Kế hoạch đầu tư VND vào đào tạo tiếng Anh và đào tạo tiến sĩ” (Hoang, 2025, p.153).

Chuyến công tác của Thủ tướng Phạm Minh Chính đến Hoa Kỳ tới 18/9/2023, rạng sáng 19/9/2023 theo giờ Hà Nội có ý nghĩa hơn khi Việt Nam – Hoa Kỳ đang kỷ niệm 10 năm thiết lập quan hệ Đối tác Toàn diện (2013-2023) và vừa nâng cấp lên khuôn khổ Đối tác chiến lược Toàn diện. “Tuyên bố chung của lãnh đạo hai nước Việt Nam – Hoa Kỳ đã nhấn mạnh hợp tác giáo dục - đào tạo là một trong những trọng tâm của quan hệ song phương, nhất là trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển” (Government Electronic Newspaper, 2023).

Trên cơ sở hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ (2013-2023), sinh viên Việt Nam học tại Hoa Kỳ có những thay đổi đáng kể và đa dạng các ngành học.

Về ngành học: Sinh viên Việt Nam sang Hoa Kỳ học tập ở nhiều lĩnh vực khác nhau, tùy vào sở thích, nhu cầu của mỗi cá nhân, trong đó các ngành học về quản trị kinh doanh, kỹ thuật, khoa học máy tính, khoa học tự nhiên chiếm tỉ lệ nhiều hơn các ngành về Khoa học xã hội, Y tế, Văn hóa. “Quản trị và Kinh doanh chiếm (32,6%); Kỹ thuật (8,9%); Tiếng Anh (8,6%); Toán và Khoa học máy tính (8,3%); Vật lý & Khoa học đời sống (7,2%); Khoa học xã hội (5,1%); Y tế chuyên sâu (4%)” (Tong, 2021, p.118). Du học sinh Việt Nam sang học tại Hoa Kỳ theo nhiều hình thức khác nhau như

xin được học bổng của chính phủ Hoa Kỳ hoặc nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam cử đi học, cá nhân tự túc.

Thế hệ trẻ Việt Nam ngày càng hiểu rõ hơn về giáo dục Mỹ, đồng thời góp phần thúc đẩy tăng cường hợp tác giáo dục hai nước. “70% số lượng sinh viên theo học tại Mỹ tham gia các ngành học như Khoa học, Kinh tế, Toán học, Kỹ sư và Quản lý” (Thai, 2023).

Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ trên lĩnh vực hợp tác giáo dục đào tạo ngày càng tiến triển và thu được kết quả khả quan. Hướng tới tương đồng về chương trình đào tạo “Với 121 chương trình đạt được kiểm định khu vực và quốc tế. Đáng chú ý, lần đầu tiên tại Việt Nam, 12 chương trình đã được kiểm định ABET, khẳng định chất lượng về kỹ thuật và công nghệ. Hơn nữa, hơn 2.000 khóa học đã được thiết kế lại để phù hợp với nhu cầu của lực lượng lao động kỹ thuật số. Ngoài ra, 4.000 lãnh đạo và nhân viên trường đại học đã nâng cao kỹ năng lãnh đạo và đổi mới chương trình giảng dạy, thúc đẩy mối quan hệ chặt chẽ hơn với khu vực doanh nghiệp và mang lại lợi ích cho 4.600 sinh viên thông qua các sáng kiến học tập dựa trên dự án” (Hoang, 2025. p.155-156).

Về số lượng sinh viên học tập tại Hoa Kỳ: Với mong muốn tiếp thu và nâng cao lĩnh hội tri thức Mỹ, sinh viên Việt Nam chọn Hoa Kỳ là điểm tới ngày càng gia tăng. Năm 2015, “có tới 28.883 người học tập trực tiếp tại Mỹ, đưa Việt Nam lên thứ 6 trong danh sách các nước có nhiều sinh viên học tập tại Mỹ nhất” (Le, 2020, p.167).

Riêng năm học 2018-2019, “tổng số sinh viên Việt Nam đang theo học tại các trường của Hoa Kỳ là 24.392 sinh viên (tăng hơn 48 lần)” (Hoang, 2021, p.149). Ở mỗi năm, tình hình thế giới có biến động khác nhau tác động đến du học sinh tới Hoa Kỳ cũng thay đổi. Nhưng Hoa Kỳ vẫn có sức hút mạnh với thế hệ trẻ Việt Nam và số lượng đến nước này theo chiều hướng tăng dần “khoảng 30.000 học sinh, sinh viên trong năm học 2019-2020” (Le, 2020, p.167), đứng thứ nhất trong khối ASEAN.

Bảng 1. Số lượng sinh viên Việt Nam học tập tại Mỹ và so sánh xếp hạng với sinh viên quốc tế

Năm	Số lượng sinh viên Việt Nam	Xếp hạng của sinh viên quốc tế tại Hoa Kỳ
2014	24.000	Thứ 6 ở châu Á
2016	17.000	Thứ 8
2017	19.000	Thứ 9
2019	<30.000	Thứ 6
2022	>3.000	Thứ 5

Nguồn: (Hoang, 2025, p.155)

Từ Bảng 1 cho thấy, số lượng sinh viên Việt Nam học tập tại Hoa Kỳ có những thay đổi, trong đó các năm 2014 và 2017 có tỉ lệ sinh viên học tập tương đối nhiều, điển hình năm 2019 lên tới 30.000 người. Giáo dục Hoa Kỳ vẫn là điểm đến mơ ước của nhiều học sinh và phụ huynh Việt Nam. Tuy nhiên, do biến động của nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt khi thế giới phải gánh chịu với đại dịch Covid 19, mọi hoạt động đều bị tê liệt, phong tỏa và chuyển sang làm việc dưới hình thức online, tác động không nhỏ đến giáo dục đào tạo. Vì thế, học sinh Việt Nam học tập tại Hoa Kỳ giảm xuống thấp “chỉ 3.000 du học sinh Việt Nam có mặt tại quốc gia này vào năm 2022” (Hoang, 2021, p.149). Dù số lượng giảm đi nhưng Việt Nam vẫn đứng thứ 5 trong bảng xếp hạng sinh viên quốc tế học tập tại Hoa Kỳ.

Theo Đại sứ Mỹ tại Việt Nam Marc Knapper, “Việt Nam hiện xếp thứ 5 trong số các quốc gia có sinh viên học tại Mỹ nhiều nhất. Nếu so với Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Canada về quy mô dân số hay thu nhập bình quân đầu người, số lượng học sinh, sinh viên Việt Nam theo học tại Mỹ rất ấn tượng và điều đó phản ánh chất lượng của mối quan hệ và niềm tin của các bậc phụ huynh khi đưa con em tới Mỹ” (Nguyen, 2023, p.20).

Theo ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, “số chuyên gia, trí thức người Việt tại Mỹ chiếm khoảng 50% trên tổng số hơn 500.000 chuyên gia, trí thức người Việt trên toàn thế giới, với nhiều người trẻ thành đạt trong các viện nghiên cứu khoa học, trường đại học và các công ti lớn của Mỹ” (Nguyen, 2023, p.22). Kết quả trên cho thấy sức hút lớn của Hoa Kỳ về giáo dục và việc làm.

Sinh viên Hoa Kỳ học tập tại Việt Nam: So với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam chưa phải là nơi lí tưởng cho sinh viên các nước tiên tiến tới trao đổi tiến bộ về Khoa học kĩ thuật. Nhưng Việt Nam là đất nước có truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời, thu hút sinh viên quốc tế bởi ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán và sinh viên Hoa Kỳ sang Việt Nam học tập với mong muốn nghiên cứu về văn hóa, con người Việt Nam.

Nếu so sánh với các nước trong khu vực Đông Nam Á (Thái Lan, Lào, Campuchia), Đông Bắc Á (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản) có sinh viên học tập tại Việt Nam thì sinh viên Hoa Kỳ có mặt tại Việt Nam còn khiêm tốn. “Niên khoá 2014-2015, IIE¹ ghi nhận có 922 sinh viên Hoa Kỳ đang học tại Việt Nam. Niên khóa 2015-2016, số sinh viên Hoa Kỳ tại Việt Nam gần bằng 1/20 số sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ (1.012 sinh viên Hoa Kỳ so với 21.403 sinh viên Việt Nam)” (Tong, 2021, p.119).

Tuy số lượng còn mỏng nhưng nếu so sánh sinh viên Hoa Kỳ với tổng số sinh viên nước ngoài tại Việt Nam (chiếm hơn 1/20) thì đây lại là con số ấn tượng. Như vậy, có thể nói Việt Nam đã thành công trong việc thu hút sinh viên Hoa Kỳ đến học tập, nghiên cứu.

Ở những năm tiếp theo, sinh viên Hoa Kỳ tới Việt Nam ngày càng tăng về số lượng và đa dạng ngành học. “Từ năm 2017 đến năm 2023, khoảng 10.000-20.000 sinh viên Mỹ đã theo học tại Việt Nam, tập trung vào ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam” (Hoang, 2025, p.155). Tuy trong giai đoạn này cả thế giới đã và trải qua khủng hoảng của đại dịch Covid-19, nhưng với khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt và phục hồi nền kinh tế nhanh chóng, an ninh trật tự luôn được đảm bảo là điểm mạnh để thể hệ trẻ Hoa Kỳ tới học, khám phá ở lại Việt Nam. Kết quả trên được xem là thành công của hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ từ khi nâng cấp quan hệ từ Đối tác Toàn diện đến Đối tác chiến lược Toàn diện (2013-2023).

2.2.2. *Hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ trong lĩnh vực đào tạo cán bộ quản lí*

Đào tạo cán bộ quản lí là một trong những vấn đề then chốt của giáo dục Việt Nam, nhằm tạo ra những nhân lực giỏi về chuyên môn và có phẩm chất đạo đức tốt phục vụ cho công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Một chương trình nổi bật đại diện cho sự thành công về hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong đào tạo Cán bộ quản lí là Sáng kiến lãnh đạo trẻ Đông Nam Á (YSEALI). Đây là chương trình công bố vào năm 2013 do Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama đề xướng, mục tiêu của sáng kiến là hướng đến đào tạo người trẻ ở Đông Nam Á trở thành những nhà lãnh đạo tương lai ở khu vực này (bao gồm cả Việt Nam).

Về vấn đề bồi dưỡng thêm kĩ năng cho các công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan Nhà nước, văn phòng chính phủ. Sáng kiến lãnh đạo trẻ Đông Nam Á (YSEALI) đã triển khai Chương trình học bổng chuyên nghiệp, có mục tiêu giúp cho những đối tượng trên có cơ hội trải nghiệm làm việc cho các cơ quan văn phòng chính phủ, tổ chức tư nhân tại Hoa Kỳ trong thời gian 5 tuần, qua đó giúp cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên tại Việt Nam có điều kiện hiểu thêm về môi trường việc làm tại Mỹ cũng như có thể tham khảo các mô hình ấy tại Việt Nam. Đã có hơn 1200 người tham gia chương trình học bổng này.

Ngoài ra, hai nước tiến hành trao đổi, hợp tác giữa các trường đại học nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ của các cơ sở giáo dục này. Việt Nam và Hoa Kỳ đã phối hợp tổ chức nhiều khóa đào tạo

¹ Viện Giáo dục Quốc tế Hoa Kỳ

ngắn hạn ở hai nước thông qua các tổ chức phi chính phủ của Hoa Kỳ như Quỹ Fulbright và Quỹ Ford. Trong thời gian qua, Quỹ Fulbright đã phối hợp với Viện Phát triển quốc tế của Đại học Harvard mở các khóa đào tạo cán bộ quản lý kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội và Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó mỗi năm, “Hoa Kỳ dành cho Việt Nam 30 suất học bổng trong lĩnh vực hợp tác đào tạo cán bộ quản lý dưới sự tài trợ của Quỹ Fulbright” (Hoang, 2021, p.148).

Trải qua 25 năm hoạt động tại Việt Nam (1995-2020) “đã có 1.100 người tốt nghiệp chương trình Fulbright” (Hoang, 2021, p.148), hiện đang đảm nhiệm những vai trò quan trọng tại tất cả các cấp và trong mọi lĩnh vực tại các thành phố lớn và các tỉnh của Việt Nam.

2.3. Những khó khăn trong hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ

Việt Nam – Hoa Kỳ là hai quốc gia có chế độ chính trị khác nhau và chênh lệch về trình độ phát triển, khác biệt về văn hóa có tác động không nhỏ đến hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo dẫn tới việc xây dựng lòng tin trong quá trình hợp tác cần thêm nỗ lực của cả hai bên, nhất là liên quan đến vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo. Hội chứng chiến tranh vẫn tồn tại ở Mỹ, một bộ phận người Mỹ gốc Việt vẫn còn tư tưởng chia rẽ điều này gây khó khăn tới du học sinh Việt Nam học tập tại Hoa Kỳ.

Cơ chế phát triển kinh tế ở mỗi nước có sự khác nhau, đưa tới sự khác biệt lớn trong phương thức vận hành, cơ chế quản lý về giáo dục, đào tạo. Dù có nhiều cố gắng, song “Việt Nam vẫn chưa thực sự sẵn sàng cho hội nhập, chưa tạo được môi trường thúc đẩy hiệu quả cho phát triển tri thức. Giáo dục chưa trở thành vấn đề hội nhập hàng đầu vì mô hình phát triển rất khác nhau” (Hoang, 2021, p.150).

Sự khác biệt về phương pháp và trình độ mỗi quốc gia còn khác nhau về quản lý và điều hành hoạt động giáo dục. “Việc xây dựng mô hình hợp tác ở tầm cao còn tiến triển chậm chạp vì một mặt, Việt Nam đánh giá cao hệ thống giáo dục Hoa Kỳ, đặc biệt là Đại học và Sau đại học, mặt khác, nỗ lực xây dựng sự tương đồng về giáo dục còn bị ràng buộc bởi bối cảnh quá khác biệt hoặc thiếu quyết tâm giữa các cơ quan liên quan” (Hoang, 2021, p.150).

Bên cạnh đó, “quan điểm chính thống về giáo dục của Việt Nam và Hoa Kỳ còn khác xa nhau, trong khi Hoa Kỳ dựa trên hai yếu tố căn cốt để đào tạo nên một con người là tri thức cơ bản và tri thức xã hội thì Việt Nam lại sử dụng phương pháp sàng lọc vào đại học theo hướng tách bạch các khối ngành, phương pháp giảng dạy ở hai nước cũng khác xa nhau... đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự hợp tác, trao đổi về giáo dục giữa hai nước” (Hoang, 2021, p.150-151).

Có thể nói, chế độ chính trị khác nhau và sự chênh lệch về trình độ phát triển đã tác động không nhỏ đến hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ. Mặt khác, trong một số thời điểm, quan hệ hai nước cũng chịu tác động từ các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến đà phát triển của quan hệ song phương. Đây sẽ là những vấn đề hai bên cần thảo luận để tìm ra giải pháp trong thời gian tới, qua đó thúc đẩy hợp tác bền vững, hiệu quả hơn.

2.4. Đặc điểm trong hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ

Trong mối quan hệ giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ, có những đặc điểm riêng biệt khác với các quốc gia khác hợp tác với Việt Nam ở cùng một thời điểm ở những điểm như sau:

Hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ phát triển từ Đối tác Toàn diện đến Đối tác chiến lược Toàn diện

Năm 2013, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ phát triển lên đối tác chiến lược, vì thế hai nước đã đẩy mạnh hợp tác trên mọi lĩnh vực, trong đó giáo dục đào tạo được đặc biệt quan tâm, thúc đẩy. Kết quả trong hợp tác giáo dục thu được nhiều thành tựu quan trọng. “Đến năm 2023, việc triển khai hơn 10 sáng kiến về giáo dục, đào tạo và trao đổi văn hóa đã mang lại khoảng 26.000 sinh viên Việt Nam

theo học tại Hoa Kỳ theo các chương trình tự túc và học bổng, đưa Việt Nam lên vị trí thứ 6 trong số các quốc gia có số lượng sinh viên lớn nhất” (Hoang, 2025, p.155).

Hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ là mối quan hệ chưa tương xứng về trình độ phát triển giữa hai quốc gia

Quan hệ Việt – Mỹ “là mối quan hệ bất tương xứng giữa một siêu cường có chiến lược toàn cầu và một nước nhỏ đang phát triển ở Đông Nam Á; là quan hệ giữa hai quốc gia có hệ thống chính trị khác nhau, có trình độ phát triển khác nhau” (Nguyen, 2023, p.13).

Việc cải thiện quan hệ với Mỹ cũng góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ với các nước khác, trong đó có các nước châu Âu, Đông Bắc Á, các nước lớn như Ấn Độ, Trung Quốc. “Quan hệ Đối tác Toàn diện với Mỹ góp phần thúc đẩy hơn nữa quan hệ giữa Việt Nam với Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a. Nhật Bản coi trọng vai trò và đề cao Việt Nam trong triển khai chính sách khu vực, mong muốn thúc đẩy quan hệ Đối tác Chiến lược sâu rộng lên tầm cao mới” (Nguyen, 2023, p.23). Mối quan hệ chưa tương xứng này có tác động đến hợp tác giáo dục theo hướng sinh viên Việt Nam sang Hoa Kỳ học tập nhiều hơn số sinh viên Hoa Kỳ tới Việt Nam.

Hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ có xuất hiện yếu tố thương mại

Quan hệ giáo dục Việt – Mỹ chủ yếu diễn ra ở lĩnh vực giáo dục đại học, ngoài các sinh viên sang Hoa Kỳ học theo diện học bổng, đã có số lượng lớn sinh viên Việt Nam sang Hoa Kỳ học tự túc. Bước sang năm 2013, quan hệ hai nước bước sang tầm cao mới (quan hệ Đối tác Toàn diện), Hoa Kỳ tiếp tục triển khai tài trợ phát triển cho giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, việc Việt Nam gia nhập WTO và tham gia kí kết GATS đã chính thức thừa nhận giáo dục là một loại hàng hóa đặc biệt.

Chính phủ Việt Nam đã ban hành hàng loạt các nghị định, quy định về hướng dẫn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để hai quốc gia tiếp tục các hoạt động trao đổi, hợp tác. “Điều đó có nghĩa là các cơ sở giáo dục Hoa Kỳ có thể hiện diện ở Việt Nam dựa trên các quy định có liên quan do Chính phủ Việt Nam ban hành và các sinh viên Việt Nam có nguyện vọng đi du học Hoa Kỳ sẽ được chính phủ hai bên hỗ trợ nhiều vấn đề có liên quan, đặc biệt là thủ tục pháp lý cũng như hỗ trợ tài chính” (Tong, 2021, p.118).

Số lượng sinh viên Việt Nam du học Hoa Kỳ bằng con đường tự túc kinh phí chiếm đa số trong tổng số sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ. “Năm 2016, Việt Nam có 21.403 sinh viên tại Hoa Kỳ, đứng vị trí thứ 6 trên toàn thế giới” (Tong, 2021, p.118). Năm 2019, “Sinh viên quốc tế đã đóng góp vào nền kinh tế Hoa Kỳ 44,7 tỉ USD, trong đó sinh viên Việt Nam đã đóng góp hơn 1 tỉ USD” (Tong, 2021, p.118). Như vậy, số sinh viên Việt Nam học tập ở Hoa Kỳ khá lớn và điều này đóng góp không nhỏ cho nền giáo dục của nước này.

3. Kết luận

Những thập kỉ đầu thế kỉ XXI, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0, thế giới biến đổi và không ngừng cạnh tranh. Quá trình hợp tác giữa các quốc gia được đẩy mạnh nhằm mục đích thắt chặt mối quan hệ hoặc nâng cao vị thế trên trường quốc tế và hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ xuất phát ở những nhân tố nêu trên. Dựa vào nhu cầu hợp tác từ hai phía Việt Nam – Hoa Kỳ, trong lĩnh vực giáo dục đào tạo của hai nước ngày càng phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn 2013-2023. Tháng 11 năm 2023, Thứ trưởng Nguyễn Văn Phúc, đại diện cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã kí biên bản ghi nhớ quan trọng với Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ về hợp tác giáo dục và đào tạo. Thỏa thuận này vừa là cơ hội cho Việt Nam trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nhân tài.

Số sinh viên Việt Nam sang học Hoa Kỳ nhiều hơn là sinh viên Hoa Kỳ sang Việt Nam, điều này thể hiện rõ sự phát triển chưa tương xứng giữa hai quốc gia Việt – Mỹ và tạo nên mối quan hệ giáo dục giữa hai nước vừa mang tính chất hợp tác, vừa mang tính chất cạnh tranh. Năm 2016, theo

Thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, có khoảng 130 ngàn sinh viên Việt Nam đang học tại nước ngoài, nhưng số lượng sinh viên nước ngoài đến học tại Việt Nam mới chỉ đạt 20.000 người. Trong số đó, sinh viên Hoa Kỳ chiếm 1.012 người.” (Tong, 2021, p.119). Hợp tác giáo dục của Việt Nam – Hoa Kỳ phát triển liên tục từ Đối tác Toàn diện lên Đối tác chiến lược Toàn diện nhưng giữa hai quốc gia vẫn còn gặp những khó khăn nhất định như sự chênh lệch về trình độ phát triển và kết quả mang tính chất một chiều nghiêng về phía Hoa Kỳ.

Tuy vậy, sinh viên Việt Nam sang Hoa Kỳ học tập là cơ hội tiếp thu nền văn hóa, tri thức tiên bộ của nhân loại góp phần nâng cao trí tuệ Việt Nam trên bản đồ thế giới. Kết quả của hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ chính là sự cạnh tranh của Nhà nước Việt Nam với Chính phủ Hoa Kỳ trong việc thu hút được những sinh viên Việt Nam ưu tú sau khi đã được thụ hưởng nền giáo dục tiên tiến bậc nhất thế giới quay về Việt Nam làm việc, góp phần tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp và sự nghiệp phát triển của đất nước.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cu, C.L. (2022). *Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Mỹ* [The US Indo-Pacific Strategy]. Social Sciences Publishing House
- Government Electronic Newspaper. (2023). Thúc đẩy hợp tác giáo dục: Vừa phù hợp xu thế thời đại, vừa phù hợp với định hướng phát triển quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ [Promoting educational cooperation: This is both in line with the trends of the times and consistent with the development direction of Vietnam-US relations]. <https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/thuc-day-hop-tac-giao-duc-viet-nam-hoa-ky-119230919031436874.htm>
- Government of the Socialist Republic of Viet Nam. (2017). *Nghị định số 140/2017/ND-CP của Chính phủ: Về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ* [Decree No. 140/2017/ND-CP of the Government: On policies to attract and create a source of public officials from excellent graduates and young scientists]. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=192164>
- Hoang, N. T. T. (2025). Hợp tác giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ (2013-2023): Từ cấp Quốc gia đến Cơ sở [Vietnam-US Education Cooperation (2013-2023): From National to Institutional Level]. *Journal of Foreign Studies*, 41(1).
- Hoang, V.H. (2021). Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ 1995 - 2020 [Vietnam-US Relations 1995-2020]. National Political Truth Publishing House.
- Le, D. T. (2020). *Chính sách đối ngoại của Mỹ: Tiếp cận từ thuyết hiện thực mới và trường hợp Việt Nam sau khi bình thường hóa quan hệ đến nay* [US Foreign Policy: A New Realism Approach and the Case of Vietnam After Normalization of Relations to Date]. National Political Truth Publishing House.
- Nguyen, T. Q. (2021). Hoạt động đối ngoại của Việt Nam những năm đầu thế kỉ [Vietnam's foreign relations activities in the early years of the 21st century]. Political Theory Publishing House.

- Ministry of Education and Training. (2020). *Thông tư số 38/2020/TT-BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến* [Circular No. 38/2020/TT-BGDDT of the Ministry of Education and Training: Regulations on joint training with foreign partners at the bachelor's, master's, and doctoral levels via online and blended (face-to-face combined with online) learning modes]. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=201196>
- Nguyen, H. Q. (2023). Đánh giá 10 năm quan hệ đối tác toàn diện Việt – Mỹ: Góc nhìn của Việt Nam [Assessing 10 Years of Comprehensive Partnership between Vietnam and the US: A Vietnamese Perspective]. *Journal of International Studies*, 1(132).
- Tong, T. T. (2021). Những thành tựu và đặc điểm nổi bật trong quan hệ giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ giai đoạn 1995-2015 [Outstanding achievements and characteristics in Vietnam-US educational relations from 1995 to 2015]. *Saigon University Journal of Science*, (78).
- Thai An & Bat Tuan (2023). Việt – Mỹ: Đa dạng hóa hợp tác giáo dục, tạo cơ hội cho sinh viên vùng xa [Vietnam - US: Diverse cooperation in education, creating opportunities for students in remote areas]. *Vietnamnet*. <https://vietnamnet.vn/viet-my-da-dang-hop-tac-giao-duc-tao-co-hoi-cho-sinh-vien-vung-xa-2102990.html>

VIETNAM-US EDUCATIONAL COOPERATION (2013-2023)

Nguyen Thi Huong*, Vo Quoc Hung

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Thi Huong – Email: huongngt@hcmue.edu.vn*

Received: April 06, 2026; Revised: May 10, 2026; Accepted: July 21, 2026

ABSTRACT

Relations between Vietnam and the United States developed significantly across multiple sectors under the Comprehensive Partnership (2013-2023) and were elevated to a Comprehensive Strategic Partnership in 2023. Educational cooperation, in particular, made important advances and became more substantive. This article analyzes the factors that influenced educational cooperation between Vietnam and the United States and assesses its outcomes over the 10-year period from 2013 to 2023. Using historical and logical methods combined with documentary analysis, the study examines: (1) the objective and subjective factors influencing Vietnam-US educational cooperation; (2) cooperation in higher education and management training; and (3) the challenges and characteristics of the educational cooperation process. The findings clarify the achievements of Vietnam-US cooperation in education and training during 2013-2023 and highlight prospects for further cooperation in this field.

Keywords: Comprehensive Partnership; Comprehensive Strategic Partnership; educational cooperation; the United States; Vietnam